

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC TƯ DUY THIẾT KẾ CHO HS LỚP 5 TRONG MẠCH NỘI DUNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

Hồ Thị Thu Giang
Trường Tiểu học ME, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Email: thugiangcdspn@gmail.com

Tóm tắt: Bài báo trình bày kết quả khảo sát về thực trạng giáo dục tư duy thiết kế (GDTDTK) cho HS lớp 5 trong mạch nội dung định hướng nghề nghiệp (ĐHNN) của HĐTN. Nghiên cứu được tiến hành trên 70 GV tiểu học tại Hà Nội và 198 HS lớp 5, sử dụng phiếu hỏi và phỏng vấn để thu thập dữ liệu. Kết quả cho thấy đa số GV nhận thức rõ tầm quan trọng của TDTK trong HĐTN hướng nghiệp và đã bước đầu tích hợp nội dung này vào giảng dạy. Bốn mạch nội dung trải nghiệm (hướng vào bản thân, hướng đến xã hội, hướng đến tự nhiên, hướng nghiệp) đều được triển khai đồng bộ, trong đó mạch hướng nghiệp được đánh giá phù hợp nhất cho giáo dục TDTK. HS lớp 5 bước đầu được làm quen với TDTK nhưng tần suất hoạt động còn hạn chế, đặc biệt ở các nội dung yêu cầu trải nghiệm thực tế như tham quan, mô phỏng nghề nghiệp. Những yếu tố ảnh hưởng chính đến hiệu quả GDTDTK gồm năng lực GV, nội dung – phương pháp, đặc điểm HS và môi trường học tập. Bài viết thảo luận các khó khăn trong việc tổ chức hoạt động GDTDTK (như thiếu tài liệu, hạn chế thời gian, năng lực tổ chức của GV, v.v.) và đề xuất các định hướng nhằm nâng cao hiệu quả triển khai nội dung này trong thực tiễn.

Từ khóa: TDTK; HĐTN; hướng nghiệp; HS tiểu học; giáo dục STEM

THE CURRENT SITUATION OF DESIGN THINKING EDUCATION FOR GRADE 5 STUDENTS IN THE CAREER-ORIENTED CONTENT STRAND OF EXPERIENTIAL ACTIVITIES

Ho Thi Thu Giang
ME Primary School, Hai Ba Trung District, Hanoi
Email: thugiangcdspn@gmail.com

Abstract: This paper presents the results of a survey on the current situation of design thinking education (DTE) for Grade 5 students within the career-oriented (CO) content strand of experiential activities (EA). The study was conducted with 70 primary school teachers in Hanoi and 198 Grade 5 students, using questionnaires and interviews to collect data. Findings reveal that most teachers are well aware of the importance of design thinking in career-oriented experiential activities and have begun to integrate this content into teaching. Four experiential content strands (self-oriented, society-oriented, nature-oriented, and career-oriented) have been implemented in parallel, with the career-oriented strand considered the most suitable for DTE. Grade 5 students have been initially introduced to design thinking, but the frequency of activities remains limited, especially in content requiring real-world experiences such as field trips and career simulations. Key factors influencing the effectiveness of DTE include teacher competence, content and methods, student characteristics, and the learning environment. The paper also discusses the challenges in organizing DTE activities (such as lack of resources, time constraints, and limited teacher capacity) and proposes directions to enhance the effectiveness of implementing this content in practice.

Keywords: Design thinking; Experiential activities; Career orientation; Primary students; STEM education

Nhận bài: 13/08/2025

Phản biện: 13/09/2025

Duyệt đăng: 17/09/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục, hoạt động trải nghiệm (HĐTN) đã trở thành nội dung bắt buộc nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho HS bên cạnh các môn học chính khóa. Nghị quyết 29-NQ/TW (2013) và Văn kiện Đại hội XIII (2021) đều nhấn mạnh yêu cầu phát triển toàn diện, coi HĐTN là môi trường để HS khám phá bản thân, rèn luyện kỹ năng và hình thành thói quen tích cực.

Song song, TDTK (design thinking) (TDTK) được xem là phương pháp tiếp cận sáng tạo, giúp HS tìm hiểu nhu cầu thực tế, xác định vấn đề, hình thành ý tưởng, chế tạo và thử nghiệm giải pháp. Ở tiểu học, TDTK góp phần rèn luyện tư duy sáng tạo, khả năng thích ứng và vận dụng kiến thức liên môn.

Nhận thức được ý nghĩa đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã định hướng tích hợp TDTK trong HĐTN, đặc biệt ở mạch định hướng nghề nghiệp (ĐHNN) – nơi HS sớm tiếp cận thế giới nghề nghiệp và nuôi dưỡng ước mơ. Tuy nhiên, việc triển khai thực tế vẫn còn khó khăn do GV thiếu chuẩn bị, HS còn bỡ ngỡ và cơ sở vật chất hạn chế. Vì vậy, khảo sát thực trạng GDTDTK cho HS lớp 5 trong mạch ĐHNN là cần thiết. Nghiên cứu này tập trung làm rõ nhận thức, mức độ triển khai, những thuận lợi, khó khăn và yếu tố ảnh hưởng, qua đó đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả thực hiện trong trường tiểu học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu hỏi kết hợp phỏng vấn sâu để thu thập dữ liệu về thực trạng. Cụ thể, tác giả đã tiến hành khảo sát 70 GV tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội và 198 HS lớp 5 tại Trường Tiểu học Thành Công A (quận Ba Đình, Hà Nội). Đây là các đối tượng trực tiếp tham gia tổ chức và học tập HĐTN, đại diện cho cả phía GV và HS.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Nhận thức của GV và HS về TDTK

Kết quả khảo sát cho thấy 100% GV đã biết đến TDTK, song mức độ vận dụng còn hạn chế. Chỉ 5,71% GV cho biết thường xuyên áp dụng, 22,86% thỉnh thoảng, 44,29% ít khi và 27,14% chưa bao giờ thực hiện. Dù vậy, 97,15% GV khẳng định GDTDTK là cần thiết hoặc rất cần thiết cho HS lớp 5; trong đó 84,29% đánh giá rất cần thiết và 12,86% cần thiết, phản ánh sự đồng thuận cao về vai trò trung tâm của TDTK trong ĐHNN. Như vậy, đội ngũ GV đã có nhận thức tích cực nhưng việc chuyển hóa thành hành động thực tiễn chưa đồng đều.

Đối với HS, mức độ tiếp cận còn hạn chế: 7,07% chưa từng biết, 14,65% biết nhưng chưa được học, 45,96% ít khi được học, 21,72% thỉnh thoảng và chỉ 10,61% thường xuyên tham gia hoạt động có lồng ghép TDTK. Tuy nhiên, 93,94% HS khẳng định TDTK là cần thiết hoặc rất cần thiết, trong đó 78,28% đánh giá rất cần thiết và 15,66% cần thiết, chỉ 4,55% chọn mức bình thường. Điều này cho thấy HS, dù ít được tiếp cận, vẫn có nhận thức rõ ràng về ích lợi của TDTK.

2.2.2. Thực trạng tổ chức HĐTN hướng nghiệp ở trường tiểu học

Trước khi xem xét sâu vào nội dung TDTK, nghiên cứu đã khảo sát tổng thể việc tổ chức HĐTN cho HS lớp 5 theo chương trình mới, đặc biệt là trong mạch nội dung hướng nghiệp. Kết quả thu được cho thấy các trường tiểu học đã tích cực triển khai HĐTN ở cả bốn mạch nội dung (hướng vào bản thân, hướng đến xã hội, hướng đến tự nhiên, hướng nghiệp) cũng như đa dạng về hình thức và phương thức tổ chức. Nhìn chung, thực hiện HĐTN được GV đánh giá ở mức tốt trên nhiều phương diện, tuy vẫn có một số mặt cần cải thiện.

Mức độ đạt được mục tiêu và yêu cầu cần đạt: Theo ý kiến của GV, việc thực hiện mục tiêu giáo dục thông qua HĐTN cho HS lớp 5 bước đầu đạt hiệu quả đáng ghi nhận. Biểu đồ 2.1 (kết quả Câu

hỏi 1 dành cho GV) cho thấy khoảng 70% GV đánh giá mức độ đạt mục tiêu là tốt hoặc rất tốt, trong đó 22,86% chọn “rất tốt” và 47,14% “tốt”. Chỉ khoảng 17,15% còn phân vân và 12,86% đánh giá “chưa tốt lắm”, đặc biệt không có GV nào cho rằng “không tốt”. Điều này khẳng định HĐTN nói chung đã được triển khai khá hiệu quả, đáp ứng phần lớn các mục tiêu đề ra cho HS.

Các mạch nội dung HĐTN: Tổng hợp ý kiến GV về mức độ thực hiện bốn mạch nội dung trải nghiệm. Tất cả các mạch nội dung đều được triển khai ở mức tốt, với điểm trung bình từ 4,27 đến 4,37 (theo thang 5 điểm). Nhìn chung, bốn mạch nội dung được triển khai toàn diện và đồng đều, trong đó nổi bật là mạch hướng vào bản thân; hạn chế nhỏ là mạch hướng đến tự nhiên còn ít sôi nổi, cần tăng cường gắn với tình huống thực tiễn để hấp dẫn hơn.

Các loại hình tổ chức HĐTN: Trong chương trình, HĐTN ở tiểu học có thể được tổ chức dưới nhiều loại hình như sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, hoạt động theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ... Kết quả khảo sát GV chỉ ra mức độ thực hiện các loại hình này đều rất tích cực. Tỷ lệ GV đánh giá “tốt” hoặc “rất tốt” cho mỗi loại hình đều trên 90%, cho thấy các hình thức đều được sử dụng thường xuyên. Nhìn chung, mọi phương thức đều được triển khai, không có phương thức bị bỏ qua. Tuy nhiên, “khám phá” và “thí nghiệm” chiếm ưu thế, còn “cộng hiến” và “nghiên cứu” chưa phát huy hết. Điều này cho thấy cần có giải pháp hỗ trợ GV thiết kế hoạt động thành bước nhỏ, dễ tiếp cận, để HS lớp 5 có thể tham gia các dự án cộng đồng hay nghiên cứu đơn giản một cách tự tin.

Công tác đánh giá kết quả HĐTN: Theo quy định, việc đánh giá chủ yếu theo mức độ “Hoàn thành” nhiệm vụ trải nghiệm, khuyến khích HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, có sự tham gia của phụ huynh. Kết quả khảo sát cho thấy tất cả các hình thức đánh giá đều được thực hiện tích cực, không có hình thức nào bị đánh giá kém hiệu quả. Tuy nhiên, GV vẫn là chủ thể đánh giá chính trong HĐTN. Cụ thể, đánh giá của GV đứng đầu với 88,57% ý kiến cho là HS “hoàn thành tốt” nhiệm vụ và 11,43% “hoàn thành”, 0% “chưa hoàn thành” theo đánh giá của GV. Đánh giá đồng đẳng (HS đánh giá lẫn nhau) xếp thứ hai: 47,14% hoàn thành tốt, 44,29% hoàn thành. HS tự đánh giá xếp thứ ba với 41,43% hoàn thành tốt, 47,14% hoàn thành. Đánh giá của cha mẹ và cộng đồng có tỷ lệ thấp nhất (nhưng vẫn có 28,57% hoàn thành

tốt, 58,57% hoàn thành). Như vậy, vai trò trung tâm trong đánh giá vẫn thuộc về GV, còn việc huy động HS tự phản hồi và phụ huynh tham gia đánh giá tuy đã có nhưng chưa nổi bật. Điều này gợi ý các trường nên tiếp tục khuyến khích hình thức đánh giá đa chiều – chẳng hạn cho HS dùng phiếu tự đánh giá, bình chọn lẫn nhau, mời phụ huynh dự giờ, tham gia nhận xét – để quá trình trải nghiệm trở nên phong phú và khách quan hơn.

2.2.3. Thực trạng thực hiện mạch nội dung ĐHNN và lồng ghép TDTK

Phần trọng tâm của nghiên cứu là khảo sát cụ thể mạch nội dung ĐHNN trong HĐTN lớp 5, qua đó đánh giá mức độ lồng ghép GDTDTK trong mạch nội dung này. Cấu trúc mạch ĐHNN (theo chương trình GDPT 2018) bao gồm các nội dung chính: tìm hiểu thông tin cơ bản về nghề nghiệp (tên gọi, đặc điểm, môi trường làm việc, yêu cầu kỹ năng), tìm hiểu về an toàn lao động, nhận thức về ước mơ nghề nghiệp của bản thân và lập kế hoạch thực hiện ước mơ đó. Kết quả khảo sát GV về từng nội dung cho thấy nhìn chung các nội dung hướng nghiệp đều đã được thực hiện tương đối tốt, nhưng mức độ chưa đồng đều và còn một số hạn chế ở các hoạt động đòi hỏi trải nghiệm thực tế cao.

Tìm hiểu thông tin cơ bản về nghề mơ ước: Đây là bước đầu tiên, giúp HS nhận diện một nghề nghiệp cụ thể. Kết quả nghiên cứu cho thấy công tác này được GV tổ chức khá hiệu quả. Tất cả các khía cạnh khảo sát đều có điểm trung bình > 4,2 (trên thang 5).

HS đã được tiếp cận khá đầy đủ thông tin về nghề mơ ước qua lý thuyết và minh họa, nhưng cơ hội trải nghiệm thực tế còn hạn chế. Đây là khoảng trống có thể bù đắp bằng các hoạt động mô phỏng, đóng vai hoặc dự án nhỏ ngay tại lớp, góp phần rèn luyện TDTK và gắn kết kiến thức với thực tiễn.

Tìm hiểu về an toàn nghề nghiệp: Nội dung này nhằm giáo dục HS ý thức về an toàn lao động liên quan đến nghề nghiệp (như nguy cơ tai nạn, biện pháp an toàn, kỹ năng xử lý tình huống nguy hiểm). Kết quả cho thấy mức độ thực hiện đạt khá nhưng không cao bằng nhóm nội dung trước, thể hiện qua điểm trung bình dao động từ 3,86 đến 4,34. Giáo dục an toàn cho HS tiểu học mới dừng ở mức truyền đạt kiến thức, ít có hoạt động thực hành và mô phỏng. Hạn chế này cần khắc phục bằng cách tích hợp TDTK, giúp HS học an toàn một cách chủ động hơn, chẳng hạn thiết kế poster,

mô hình bảo hộ hoặc giải pháp sáng tạo đơn giản. Kết quả khảo sát cũng khẳng định cần tăng cường quan tâm và đầu tư hơn cho nội dung này.

Tìm hiểu về ước mơ nghề nghiệp của bản thân: Khảo sát cho thấy các trường đã tạo điều kiện để HS lớp 5 bộc lộ và định hướng ước mơ nghề nghiệp, song mức độ chuyên sâu còn hạn chế. Điểm trung bình các nội dung dao động từ 3,99 đến 4,46.

HS đã được chia sẻ ước mơ và có bước lập kế hoạch, nhưng thiếu cơ hội tham gia các HĐTN chuyên sâu để “thử làm” nghề. Khoảng trống này có thể được lấp đầy bằng việc tích hợp TDTK thông qua dự án nhỏ, mô phỏng nghề nghiệp, nhằm biến ước mơ từ ý tưởng thành trải nghiệm thực tế. Đây cũng là cơ sở để đề xuất các giải pháp hỗ trợ GV trong tổ chức hoạt động hướng nghiệp.

Tổng hợp các kết quả trên, có thể đánh giá mạch nội dung ĐHNN cho HS lớp 5 đã được triển khai tương đối đồng bộ và đạt hiệu quả đáng khích lệ ở những nội dung cơ bản. HS được tìm hiểu tên nghề, môi trường làm việc, yêu cầu kỹ năng; được cảnh báo về an toàn lao động; được chia sẻ ước mơ và lập kế hoạch. Tỷ lệ GV đánh giá tốt và rất tốt cho các hoạt động này phần lớn trên 60%. Tuy nhiên, một số HĐTN thực tế hoặc chuyên sâu chưa được thực hiện hiệu quả, thể hiện qua vẫn có ý kiến đánh giá “chưa tốt” ở các nội dung: tham quan, phỏng vấn người trong nghề; lồng ghép an toàn lao động; mô phỏng tình huống nguy hiểm; dự án gắn với nghề nghiệp mơ ước. Đây cũng chính là những nội dung đòi hỏi sự đầu tư lớn và có nhiều tiềm năng để ứng dụng TDTK (ví dụ, thiết kế giải pháp cải thiện an toàn lao động, chế tạo mô hình dụng cụ lao động, v.v.). Việc chưa triển khai tốt những nội dung này cho thấy GDTDTK trong mạch hướng nghiệp còn nhiều dư địa để phát triển, và là cơ sở để chương trình đổi mới tập trung cải thiện.

2.2.4. Thực trạng GDTDTK cho HS lớp 5 trong HĐTN hướng nghiệp

Trên cơ sở khảo sát, nhóm nghiên cứu tiến hành đánh giá mức độ phù hợp của quy trình tư duy thiết kế (TDTK) gồm 5 bước: đồng cảm – xác định vấn đề – hình thành ý tưởng – chế tạo nguyên mẫu – thử nghiệm, khi áp dụng trong dạy học hướng nghiệp cho học sinh (HS) lớp 5. Kết quả chỉ ra rằng tất cả các bước đều được giáo viên (GV) nhìn nhận tích cực, với điểm trung bình dao động từ 4,00 đến 4,61, tương ứng mức “phù hợp” hoặc “hoàn toàn phù hợp”. Điều này chứng tỏ quy

trình TDTK có cơ sở thực tiễn và tính khả thi cao để tích hợp vào hoạt động trải nghiệm (HDTN) hướng nghiệp ở tiểu học.

Trong đó, hai bước đầu tiên – đồng cảm và xác định vấn đề – được đánh giá nổi bật nhất, khẳng định vai trò định hướng ban đầu giúp HS nhận diện vấn đề và phát triển tư duy phản biện. Các bước chế tạo và thử nghiệm tuy còn e ngại do điều kiện cơ sở vật chất và năng lực tổ chức, nhưng nhìn chung GV vẫn khẳng định TDTK có khả năng vận dụng nếu được hỗ trợ thêm về phương pháp và điều kiện triển khai.

Mức độ phù hợp của các mạch nội dung trải nghiệm với GDTDTK

Khảo sát cho thấy mạch hướng nghiệp là lĩnh vực phù hợp nhất để giáo dục tư duy thiết kế. Có 85,71% GV đánh giá mạch này “hoàn toàn phù hợp” (điểm trung bình 4,83, xếp hạng 1). Chỉ có 2,86% ý kiến cho là “bình thường”, và không có GV nào cho rằng không phù hợp. Kết quả này xác nhận giả thuyết ban đầu: hướng nghiệp là “mảnh đất màu mỡ” cho giáo dục TDTK, bởi HS có cơ hội làm quen với giải quyết vấn đề nghề nghiệp, thiết kế sản phẩm và sáng tạo.

Mạch hướng vào bản thân xếp thứ hai (điểm TB 4,60), với 68,57% GV đánh giá “hoàn toàn phù hợp” và 22,86% “phù hợp”. Đây là minh chứng rằng các hoạt động khám phá bản thân, như thiết kế thời gian biểu hay góc học tập, có thể tích hợp yếu tố thiết kế hiệu quả.

Mạch hướng đến xã hội đứng thứ ba (TB 4,47), với 58,57% “hoàn toàn phù hợp” và 30% “phù hợp”. Những hoạt động gắn với cộng đồng như thiện nguyện, bảo vệ môi trường xã hội tạo điều kiện cho HS vận dụng TDTK để giải quyết vấn đề thực tiễn.

Mạch hướng đến tự nhiên tuy có điểm trung bình thấp nhất (4,01) nhưng vẫn được 74,28% GV đánh giá phù hợp hoặc hoàn toàn phù hợp. Nội dung thiên nhiên thường gắn với bảo vệ môi trường, HS có thể áp dụng TDTK để thiết kế giải pháp sinh thái, ví dụ chế tạo vật dụng tái chế.

Mức độ thực hiện lồng ghép TDTK trong HDTN hướng nghiệp

Khi khảo sát tần suất thực hiện các biểu hiện cụ thể của GDTDTK, kết quả cho thấy các hoạt động như tập huấn GV, hỗ trợ từ nhà trường, tạo điều kiện để HS đề xuất ý tưởng, tổ chức thực hành thiết kế, và tích hợp TDTK vào chương trình đã được triển khai ở nhiều nơi. Tuy nhiên, việc triển khai chưa đồng đều và mang tính tự phát.

Cụ thể, một số trường đã chú trọng tạo cơ hội sáng tạo cho HS, nhưng công tác bồi dưỡng GV và tích hợp chính khóa còn hạn chế. Việc lồng ghép hiện chủ yếu dựa vào sự chủ động cá nhân của GV, chưa trở thành yêu cầu bắt buộc trong kế hoạch giáo dục. Nhìn chung, tất cả 5 khía cạnh khảo sát đều đạt mức trung bình từ “thường xuyên” trở lên, không có nội dung nào bị bỏ ngỏ. Điều này cho thấy GDTDTK đã len lỏi vào HDTN ở tiểu học, song thiếu sự hệ thống hóa.

Từ kết quả này, nghiên cứu khuyến nghị: (i) cần đào tạo bài bản về TDTK cho GV, (ii) xây dựng nội dung cụ thể trong chương trình, và (iii) có sự chỉ đạo, kiểm tra từ phía nhà trường để đảm bảo tính bền vững.

Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục TDTK

Nghiên cứu xác định bốn nhóm yếu tố chính: đặc điểm HS lớp 5, nội dung – phương pháp, năng lực GV, và môi trường học tập.

- Năng lực GV: được 65,71% GV đánh giá là “rất ảnh hưởng” và 30% “ảnh hưởng”, điểm TB 4,61 – cao nhất. Điều này khẳng định GV là nhân tố quyết định, bởi kiến thức, kỹ năng và tinh thần đổi mới của GV trực tiếp chi phối hiệu quả triển khai.

- Nội dung và phương pháp: 54,29% ý kiến đánh giá “rất ảnh hưởng”, 40% “ảnh hưởng”, điểm TB 4,49. Cách tổ chức phù hợp sẽ khuyến khích sáng tạo, ngược lại nếu khô cứng sẽ hạn chế năng lực HS.

- Đặc điểm HS: điểm TB 4,47, với 57,14% đánh giá “rất ảnh hưởng”. HS lớp 5 tuy chủ động hơn nhưng vẫn hạn chế về kỹ năng, nên hoạt động cần vừa sức, có hướng dẫn chi tiết.

- Môi trường học tập: điểm TB 4,33, trên 84% GV nhận định có ảnh hưởng nhiều. Thiếu phòng chức năng, thiết bị và học liệu sẽ cản trở triển khai, dù yếu tố này xếp cuối.

Khó khăn trong giáo dục TDTK: Khảo sát cho thấy cả GV và HS đều gặp những trở ngại cụ thể:

- Đối với GV: khó khăn lớn nhất là thiếu đào tạo, thiếu kinh nghiệm, dẫn đến lúng túng khi thiết kế hoạt động. Tài liệu, học liệu còn khan hiếm, gây khó khăn trong chuẩn bị. Áp lực chương trình chính khóa khiến thời gian dành cho trải nghiệm hạn chế. Một số HS còn thụ động, thiếu kỹ năng làm việc nhóm. Cơ sở vật chất tại nhiều trường cũng chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đầy đủ quy trình TDTK.

- Đối với HS: khó khăn nổi bật là thiếu thời gian do lịch học dày đặc, hoạt động trải nghiệm bị rút ngắn. Học liệu tham khảo hạn chế, tài liệu

tiếng Việt còn thiếu, tài liệu tiếng Anh thì khó tiếp cận. Nhiều em cũng thiếu sự hỗ trợ từ gia đình.

Theo thống kê, 82,32% HS đồng ý rằng thiếu học liệu là trở ngại lớn nhất, tiếp đến 72,73% HS cho rằng thiếu thời gian chuẩn bị và học tập. Đây là minh chứng rõ ràng cho thách thức kép: GV thiếu kinh nghiệm, tài liệu và nguồn lực, trong khi HS thiếu điều kiện thực hành và sự hỗ trợ.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã khảo sát và phân tích toàn diện thực trạng GDTDTK cho HS lớp 5 trong mạch nội dung ĐHN của HĐTN. Từ kết quả thu được, có thể rút ra một số kết luận chính như sau:

Thứ nhất, nhận thức của GV và HS về TDTK đều rất tích cực và thống nhất. Điều này khẳng định TDTK đã được nhìn nhận như một nội dung giáo dục quan trọng, tạo nền tảng thuận lợi cho việc triển khai trong thực tế nhà trường.

Thứ hai, HĐTN ở tiểu học nhìn chung đáp ứng yêu cầu chương trình, song mạch ĐHN chưa được khai thác đúng tiềm năng. Các hoạt động thực tiễn chuyên sâu (tham quan, dự án nghề nghiệp, mô phỏng tình huống) chưa thường xuyên; phương

thức trải nghiệm chủ yếu vẫn là những hình thức quen thuộc, an toàn, trong khi những phương thức đòi hỏi tính chủ động như nghiên cứu, công hiến còn hạn chế.

Thứ ba, việc lồng ghép TDTK vào HĐTN đã có bước khởi đầu nhưng còn tự phát, thiếu hệ thống. Công tác tập huấn, bồi dưỡng GV và quy định tích hợp chính thức chưa được triển khai đồng bộ, dẫn đến việc áp dụng phụ thuộc nhiều vào từng cá nhân và từng nhà trường.

Thứ tư, GV được xác định là yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến hiệu quả giáo dục TDTK, tiếp đến là nội dung – phương pháp, đặc điểm HS và môi trường học tập. Điều này cho thấy cần chú trọng bồi dưỡng năng lực sư phạm, đồng thời hoàn thiện chương trình và điều kiện cơ sở vật chất.

Thứ năm, nghiên cứu cũng chỉ ra các rào cản thực tiễn: GV thiếu kinh nghiệm và tài liệu, quỹ thời gian hạn hẹp; HS còn thụ động, kỹ năng tự học và hợp tác chưa vững; cơ sở vật chất và sự hỗ trợ từ gia đình, cộng đồng còn hạn chế. Đây là nguyên nhân chính khiến khoảng cách giữa nhận thức và thực hành vẫn còn lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành TƯ Đảng (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về Ban hành Chương trình GDPT 2018*. Hà Nội.
4. Hồ Thị Thu Giang (2024). *GDTDTK cho HS lớp 5 trong mạch nội dung ĐHN của HĐTN (Luận văn Thạc sĩ)*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
5. Ministry of Education and Training (2020). *Guidance on implementing experiential activities in primary schools. Hanoi. (Tài liệu hướng dẫn GV triển khai HĐTN có yếu tố thiết kế)*. Hà Nội
6. Trần Văn Công (2021). “TDTK trong giáo dục STEM tiểu học: Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam.” *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 17(3), 45-53. (Tham khảo về tầm quan trọng của TDTK trong giáo dục hiện đại).